

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2018/HS-ST

Ngày: 22 – 11 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đức

Bà Nguyễn Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 251/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Vũ L, sinh năm 1993, tại tỉnh An Giang;

Nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn (văn hóa): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy O; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/7/2018 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; trú tại: Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1993; trú tại: Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1990; trú tại: Ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang, vắng mặt

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971; trú tại: Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Ông Hàng Phước S, sinh năm 1996; trú tại: Khu phố M, xã T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Vũ L, Nguyễn Văn P và Hàng Phước S là bạn bè.

Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2018, P điều khiển xe mô tô biển số 67G1 – 234.63 chở S và L đến quán Karaoke Minh Hằng II tại Khu phố 4, phường A, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Khi vào quán, P gửi xe cho quản lý, sau đó vào phòng để hát và uống bia. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, lúc này P và S đã say và ngủ tại phòng. Lúc này, L nhìn thấy chìa khóa xe của P để trên bàn và chiếc điện thoại hiệu Huawei của P để trên ghế nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. L gọi Trần Ngọc C (quản lý quán Karaoke) vào để tính tiền. Khi C vào trong phòng có cầm theo chiếc điện thoại Samsung J3 Pro rồi để quên trên ghế. Khi C ra ngoài quầy tính tiền thì L lấy điện thoại Huawei, chìa khóa xe của P và điện thoại Samsung J3 Pro của C bỏ vào túi quần. L giả vờ nói với C ra ngoài rồi quay lại tính tiền. Sau đó L điều khiển xe mô tô biển số 67G1 – 234.63 cùng số tài sản trên đến địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi L bị té ngã xe làm rơi mất chiếc điện thoại Samsung J3 Pro, còn chiếc điện thoại di động hiệu Huawei L bán ở cửa hàng điện được 1.500.000 đồng L đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 67G1 – 234.63 nhãn hiệu Yamaha, chủng loại Sirius F1.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha chủng loại Sirius F1, biển số 67G1 – 234.63, trị giá 11.000.000 đồng, chiếc điện thoại di động hiệu Huawei trị giá 1.600.000 đồng và chiếc điện thoại di động Samsung J3 Pro màu xanh trị giá 2.300.000 đồng. Tổng giá trị là 14.900.000 đồng.

Bản cáo trạng số 272/CT-VKS-TA ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Phạm Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Vũ L từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù và giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nên có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 02 giờ ngày 21/7/2018, tại quán Karaoke Minh Hằng II địa chỉ khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phạm Vũ L đã lợi dụng lúc Nguyễn Văn P say rượu ngủ say và Trần Ngọc C bỏ quên điện thoại trong phòng nên L đã chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung J3 trị giá 2.300.000 đồng của C, 01 điện thoại Huawei trị giá 1.600.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 67G1 – 234.63 nhãn hiệu Yamaha, chủng loại Sirius F1 trị giá 11.000.000 đồng của P.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị 14.900.000 đồng do bị cáo Phạm Vũ L thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Phạm Vũ L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Vũ L là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô biển số 67G1 – 234.63 nhãn hiệu Yamaha, chủng loại Sirius F1 mà bị cáo L chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P. Qua điều tra xác minh người đứng tên giấy đăng ký xe mô tô là bà Nguyễn Thị O. Qua làm việc với bà O xác định bà O chỉ đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P (em của O) trong giấy đăng ký xe. Bà O không có yêu cầu gì. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho Nguyễn Văn P là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei mà bị cáo L chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P. Sau khi chiếm đoạt xong, bị cáo L đã bán chiếc điện thoại này ở cửa hàng điện thoại nhưng không xác định được địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không thu hồi được. Quá trình điều tra bị hại P không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung J3 mà bị cáo L chiếm đoạt của ông Trần Ngọc C. Sau khi chiếm đoạt xong, trên đường tẩu thoát bị cáo L đã làm rơi mất điện thoại này. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không thu hồi được. Trong quá trình điều tra ông C yêu cầu L bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Linh đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông Cường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Vũ L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Vũ L phải bồi thường số tiền 2.000.0000 đồng (hai triệu đồng) cho ông Trần Ngọc C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Phạm Vũ L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh Bình Dương
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Công an cùng cấp;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Huỳnh Minh Trí

